

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NGÂN HÀNG TMCP QUỐC DÂN NĂM 2018

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát:

- Tên công ty: Tên : Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân
- Tên tiếng Anh : National Citizen Commercial Joint Stock Bank
- Tên gọi tắt : NCB
- Vốn điều lệ : 3.010.216 VND (Ba nghìn không trăm mười tỷ, hai trăm mười sáu triệu đồng chẵn)
- Vốn chủ sở hữu : 3.218.141 (Ba nghìn hai trăm mười tám tỷ, một trăm bốn mươi một triệu đồng chẵn)
- Giấy CNĐKKD : Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700169765 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/8/2006, thay đổi lần thứ 16 ngày 10/11/2017 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.
- Hội sở : 28C – 28D Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
- Điện thoại : (024) 62693355
- Fax : (024) 62693535
- Website : www.ncb-bank.vn
- Email : ncb@ncb-bank.vn

Quá trình hình thành phát triển:

Ngân hàng TMCP Quốc Dân – NCB được thành lập từ năm 1995, khởi nguồn từ Ngân hàng TMCP nông thôn Sông Kiên. Ngày 18/05/2006, NCB chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động từ Ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn thành Ngân hàng thương mại cổ phần đô thị, chuyển đổi trụ sở chính từ Kiên Giang về Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời chính thức sử dụng tên Ngân hàng TMCP Nam Việt – Navibank thay cho tên gọi Ngân hàng TMCP nông thôn Sông Kiên.

Năm 2014

Navibank chính thức được đổi tên thành Ngân hàng TMCP Quốc Dân – NCB và tiến hành tái cấu trúc hệ thống, hướng đến sự chuẩn hóa và hoàn thiện các dịch vụ tài chính, đặt mục tiêu vào Top 10 ngân hàng bán lẻ hàng đầu Việt Nam với tiêu chí trở thành “Ngân hàng bán lẻ hiệu quả nhất”.



Năm 2015

Giải thiệu nhận dạng thương hiệu mới. Được trao giải thưởng quốc tế về đổi mới sáng tạo – Ngân hàng có văn hoá doanh nghiệp sáng tạo nhất VN năm 2015 và Ngân hàng bán lẻ sáng tạo nhất Việt Nam 2015 (Tạp chí Tài chính và Ngân hàng Toàn cầu)

Năm 2016

Triển khai hạ tầng IT mới – Nền tảng ngân hàng lõi Temenos T24; Ký hợp đồng chiến lược liên kết kinh doanh bảo hiểm nhân thọ qua ngân hàng với Prevoir ; Tăng số chi nhánh từ 22 lên 24; Tăng tổng tài sản đạt trên 69 nghìn tỷ đồng.

Năm 2017

Phát triển nền tảng ngân hàng kỹ thuật số toàn diện với hàng loạt sản phẩm (ví dụ: ứng dụng thông minh NCB, thanh toán hoá đơn, chuyển khoản...)

Năm 2018

Mở rộng hệ sinh thái khách hàng; triển khai hợp tác toàn diện với các đối tác lớn như: FLC Group, Bamboo Airway,... Liên tục đón nhận các giải thưởng uy tín trong nước và quốc tế.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính bao gồm:

- *Hoạt động cấp tín dụng:* Cho vay; Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; Bảo lãnh Ngân hàng; Phát hành thẻ tín dụng; Bao thanh toán trong nước; Các hình thức cấp tín dụng dưới các hình thức khác theo quy định của Ngân hàng Nhà Nước.
- *Huy động vốn:* Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác; Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn trong nước và nước ngoài; Vay vốn của Ngân hàng Nhà Nước dưới hình thức tái cấp vốn; Vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài.
- *Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ:* Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng; Cung ứng các phương tiện thanh toán; Cung ứng các dịch vụ thanh toán: Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ; Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế và các dịch vụ thanh toán khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận; Mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước; Mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng khác; Mở tài khoản tiền gửi, thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối; Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
- Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do NHNN quy định.
- Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.
- Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu kho bạc, công cụ chuyển nhượng, tín phiếu NHNN trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.
- Hoạt động mua nợ.
- Đại lý bảo hiểm.
- Dịch vụ môi giới tiền tệ; ủy thác.
- Góp vốn, mua cổ phần của các tổ chức tín dụng và các doanh nghiệp khác theo quy định của

pháp luật.

Địa bàn kinh doanh:

Tính đến 31/12/2018, mạng lưới của NCB bao gồm: 01 Hội sở chính; 24 chi nhánh; 90 Điểm giao dịch; 51 ATM

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a. Mô hình quản trị:

NCB là TCTD hoạt động theo mô hình cổ phần, với cơ cấu tổ chức quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều 134 Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Luật Các TCTD gồm có: Đại hội đồng cổ đông, Ban Kiểm soát và Ban điều hành (đứng đầu là Tổng Giám đốc). NCB duy trì khung quản trị doanh nghiệp phù hợp với quy định của NHNN, quy định pháp luật liên quan đảm bảo bảo tính minh bạch rõ ràng giữa các chức năng quản trị, điều hành và kiểm soát.

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng; các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Cơ cấu HĐQT bao gồm cơ quan thường trực HĐQT gồm Chủ tịch HĐQT và một số thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách do Hội đồng quản trị phân công. HĐQT NCB thành lập một số cơ quan tham mưu, giúp việc bao gồm các Ủy ban như Ủy ban nhân sự, Ủy ban quản lý rủi ro, Ủy ban công nghệ, Hội đồng xử lý rủi ro... Các Ủy ban vận hành theo quy định về tổ chức bộ máy và hoạt động của ủy ban tương ứng do HĐQT ban hành.

Ban Kiểm soát thực hiện vai trò là cơ quan giám sát hoạt động Ngân hàng, nhằm đánh giá chính xác hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của Ngân hàng. Ban Kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Ban Kiểm soát có bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm toán nội bộ, được sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.

Ban điều hành do TGDĐ đứng đầu thực hiện vai trò điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng. Bộ máy giúp việc cho Tổng Giám đốc gồm các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các khối, phòng/ban, trung tâm theo quy định nội bộ của Ngân hàng.

Cơ cấu bộ máy quản lý của NCB bao gồm Hội sở (BĐH và Khối; Trung tâm và Phòng nghiệp vụ trực thuộc Khối; Trung tâm) và hệ thống Chi nhánh (và các Phòng Giao dịch trực thuộc), công ty con (Công ty AMC).

NCB đã thiết lập và duy trì đầy đủ hệ thống quản lý, kiểm soát nội bộ đảm bảo quản trị điều hành hiệu quả, hoạt động kinh doanh cũng như kiểm soát chặt chẽ rủi ro phát sinh trong hoạt động của các đơn vị trên toàn mạng lưới.

NCB luôn nỗ lực áp dụng thông lệ tốt nhất về quản trị điều hành theo chuẩn mực quốc tế trong từng giai đoạn phát triển, hoạt động của mình và phù hợp với điều kiện thị trường Việt Nam.

Trong năm 2018, NCB đã tập trung hoàn thiện 2 mô hình cơ cấu quản trị quan trọng bao gồm:

- **Mô hình kinh doanh:** Hoàn thiện việc chuyển đổi mô hình kinh doanh tại các đơn vị kinh doanh theo phân khúc khách hàng (theo các Trung tâm doanh nghiệp và Trung tâm bán lẻ) theo định hướng ngân hàng bán lẻ định với định hướng số hóa.

- **Mô hình kiểm soát:** xây dựng mô hình kiểm soát theo mô hình 3 tuyến phòng thủ bao gồm (i) Tuyến 1 là các đơn vị kinh doanh và tác nghiệp hàng ngày, phân tách độc lập giữa bộ phận kinh doanh và bộ phận tác nghiệp (dịch vụ khách hàng, tác nghiệp tín dụng, hậu kiểm). Việc kiểm soát tuân thủ và phát hiện rủi ro được thực hiện ngay từ đơn vị trực tiếp kinh doanh với sự độc lập về nghiệp vụ được quản lý dọc theo Khối nghiệp vụ và kiểm soát chéo giữa kinh doanh và tác nghiệp/hậu kiểm. (ii) Tuyến 2 bao gồm các đơn vị chuyên môn tại Hội sở chính thực hiện xây dựng các chính sách, quy định, sản phẩm; các công cụ - báo cáo để thực hiện đo lường, đánh giá kết quả/hiệu quả cũng như về tính tuân thủ và kiểm soát rủi ro; đồng thời thường xuyên thực hiện các công tác giám sát. Cùng với việc tổ chức độc lập giữa các bộ phận kinh doanh, nghiệp vụ tại Tuyến 1, bộ máy tổ chức của Tuyến 2 cũng đã được điều chỉnh và chuẩn hóa để đảm bảo tách biệt các Khối Chuyên doanh theo phân khúc khách hàng; Khối tác nghiệp chuyên trách về nghiệp vụ; Khối quản trị rủi ro (Trung tâm tái thẩm định, các phòng quản trị rủi ro tín dụng, thanh khoản – thị trường, hoạt động) và (iii) Tuyến 3 là bộ phận Kiểm toán nội bộ là đơn vị độc lập trong việc đánh giá việc tổ chức triển khai mô hình kiểm soát, quản trị rủi ro của Tuyến 1, Tuyến 2; độc lập báo cáo Hội đồng quản trị thông qua Ban kiểm soát và đưa ra các khuyến nghị để điều chỉnh, sửa đổi.

NCB cũng thường xuyên điều chỉnh, sửa đổi Điều lệ hoạt động theo các nội dung cập nhật theo quy định của Luật Tổ chức tín dụng, Luật doanh nghiệp; xây dựng quy chế, cơ chế hoạt động của HĐQT, BKS, BĐH và các Ủy ban, hội đồng đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật cũng như tạo cơ sở pháp lý cho công tác quản trị, điều hành và kiểm soát nội bộ ngân hàng.

b. Các công ty con, công ty liên kết

NCB có duy nhất 01 công ty con là Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản (Công ty AMC) được thành lập năm 2006, với các thông tin sau:

- Tính đến 31/12/2018 có vốn điều lệ là 50 tỷ đồng.
- Mã số doanh nghiệp: 0 3 0 4 7 6 7 7 4 5
- Địa chỉ: 444 đường Hoàng Hoa Thám, phường Bưởi, quận Tây Hồ, TP. Hà Nội
- Lĩnh vực kinh doanh chính:
 - Tiếp nhận, quản lý các khoản nợ tồn đọng của NCB để xử lý, thu hồi nợ. Cơ cấu lại nợ tồn đọng. Xử lý tài sản bảo đảm nợ vay.
 - Mua bán nợ tồn đọng của các TCTD khác, các Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của Ngân hàng thương mại khác để xử lý theo quy định của pháp luật.
 - Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp.
 - Xây dựng nhà các loại.
 - Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.
 - Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.
 - Hoạt động đánh giá tài sản (trừ bất động sản).
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất.
 - Bán buôn xe ô tô và các xe có động cơ khác. Bán lẻ xe ô tô con (loại dưới 12 chỗ trở xuống).
 - Đại lý, môi giới, đấu giá (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài).

c. Mô hình tổ chức Ngân hàng TMCP Quốc Dân năm 2018: Phụ lục 01 đính kèm

4. Định hướng phát triển năm 2019

Tiếp tục thông điệp hành động năm 2019 của HĐQT đối với toàn NCB là Tăng tốc nhằm tiếp tục củng cố một trong những giá trị cốt lõi và điểm quyết định chiến lược của NCB là Tốc độ. Tinh thần Tăng tốc tập trung xoay quanh 03 trọng tâm chiến lược là Hiệu quả, Đột phá và Bền vững. Theo đó 6 tháng đầu năm, toàn hệ thống tập trung ngay cho 02 mục tiêu Hiệu quả, Bền vững và chuẩn bị nền tảng cho mục tiêu Đột phá vào 06 tháng cuối năm 2019, tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm ưu tiên như sau: (i) Đẩy mạnh tích cực thu hồi nợ xấu và kiểm soát chất lượng tín dụng; (ii) Tăng cường kiểm soát cho vay và huy động theo định hướng cụ thể và (iii) Quản lý hiệu quả chi phí hoạt động và tinh giảm bộ máy tổ chức, nhân sự toàn hệ thống.

a. Định hướng mục tiêu Hiệu quả và Bền vững

- Phần đầu đạt và hoàn thành 100% các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh 2019 đã được phê duyệt và phân giao tới từng đơn vị, duy trì kiểm soát các chỉ số tuân thủ rủi ro đảm bảo theo quy định của NCB và NHNN.
- Tiếp tục tăng khả năng sinh lời và lành mạnh hóa cơ cấu bảng cân đối tài sản của NCB; đa dạng hóa doanh thu và tăng tỷ trọng nguồn thu phi tín dụng.
- Kiểm soát chặt chi phí, tăng năng suất lao động toàn hệ thống thông qua việc tăng năng lực đội ngũ nhân sự, quy trình quản lý hiệu quả làm việc; tái cấu trúc đơn vị mạng lưới, tinh gọn cơ cấu và đơn giản hóa quy trình, tối đa hóa các ứng dụng tự động trong quản trị và nghiệp vụ.
- Phát triển tập khách hàng theo hướng bền vững, ổn định; tối đa lợi ích từ phân khúc chiến lược, hệ sinh thái khách hàng mục tiêu và tái định vị đến phân khúc tạo margin cao hơn với khả năng tăng nhanh về quy mô.
- Tái cơ cấu và tập trung cấu trúc lại danh mục huy động theo hướng hiệu quả và bền vững, đặc biệt phải tạo sự tăng trưởng rõ rệt về CASA, tỷ trọng tiền gửi KHDN.
- Điều chỉnh danh mục cho vay, định hướng phát triển tín dụng theo hướng hạn chế, giảm các tỷ trọng cho vay trung dài hạn, các nhóm ngành nghề và loại tài sản đảm bảo thuộc nhóm rủi ro cao.
- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, thu hồi nợ xấu; tăng cường quản trị rủi ro tác nghiệp tại các khâu, nghiệp vụ thông qua cơ chế kiểm soát sau, kiểm soát chéo và tăng trách nhiệm của mỗi cấp quản lý.
- Duy trì vận hành ổn định, an toàn, liên tục hệ thống corebanking T24 và khai thác sâu các ứng dụng cho cả việc phát triển sản phẩm, nghiệp vụ kinh doanh mới cũng như mục đích quản trị điều hành.
- Xây dựng môi trường làm việc tốt nhất, tập trung phát triển văn hóa mạnh, quy hoạch đội ngũ nhân sự chuyên môn và tiềm năng phát triển.

b. Định hướng mục tiêu Đột phá

- Tăng cường năng lực vốn, tài chính thông qua việc tăng vốn điều lệ và hợp tác với nhà đầu tư chiến lược; bút phá về quy mô tương ứng với năng lực tài chính mới.
- Hoàn thiện mô hình kinh doanh để tạo sự Đột phá về quy mô tăng trưởng, tạo giá trị gia tăng và khác biệt cho các sản phẩm chiến lược của NCB như các sản phẩm Nhà, Xe, Tư vấn tài chính và Digital Banking.
- Định vị NCB với hình ảnh như là một Nhà tư vấn tài chính thân thiện, được nhìn nhận là ngân hàng đang nỗ lực tái cấu trúc thành công và nằm trong nhóm các ngân hàng được đánh giá cao về quy mô, hiệu quả so với toàn hệ thống.

5. Các rủi ro

a. Rủi ro tín dụng:

Trong quá trình hoạt động, NCB luôn ưu tiên kiện toàn bộ máy quản trị rủi ro tín dụng và khung quản trị rủi ro theo chuẩn mực của NHNN. Mô hình quản trị rủi ro tín dụng được triển khai ở cả ba lớp, bao gồm: Tuyến phòng ngừa rủi ro của các Đơn vị kinh doanh; Tuyến phòng ngừa rủi ro của Ủy ban quản trị rủi ro, Khối quản trị rủi ro và Bộ phận quản trị rủi ro tín dụng; Tuyến phòng ngừa rủi ro của Ban kiểm toán nội bộ. NCB đã và đang triển khai dần mô hình quản trị rủi ro tín dụng tập trung kết hợp với mô hình vận hành tín dụng bán tập trung. Mô hình này tách biệt một cách độc lập giữa 3 chức năng: quản trị rủi ro, kinh doanh và tác nghiệp tín dụng. Sự tách biệt này nhằm mục tiêu hàng đầu là giảm thiểu rủi ro ở mức thấp nhất đồng thời phát huy được tối đa kỹ năng chuyên môn của từng vị trí cán bộ nhân viên. NCB đang dần kiện toàn hệ thống chính sách tín dụng, phân cấp thẩm quyền tín dụng, triển khai các hạn mức tín dụng khung. Khung chính sách đã được ban hành bao gồm chính sách tín dụng, định hướng tín dụng, khung giới hạn tín dụng và chính sách giới hạn đầu tư kinh doanh cổ phiếu ... đảm bảo tuân thủ đầy đủ quy định của NHNN về an toàn trong hoạt động tín dụng. Trên cơ sở khung quản trị rủi ro và chính sách rủi ro tín dụng, năm 2017, NCB đã cùng với đối tác tư vấn KPMG hoàn thiện để chuẩn bị đưa vào vận hành hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ đối với khách hàng cá nhân, khách hàng hộ kinh doanh và khách hàng doanh nghiệp SME nhằm phù hợp với định hướng, chiến lược kinh doanh giai đoạn sắp tới. Hệ thống giám sát tín dụng cũng được triển khai độc lập, giám sát trên cả phương thức kiểm soát từ xa thông qua hệ thống phần mềm Corebanking và kiểm tra trực tiếp để cảnh báo sớm các rủi ro tín dụng có thể xảy ra.

b. Rủi ro thị trường và thanh khoản

NCB đã xây dựng chính sách, khung quản trị rủi ro thanh khoản, quy định hệ thống chi tiêu đánh giá chất lượng tài sản có và các giới hạn đảm bảo an toàn trong hoạt động tại NCB phù hợp các quy định của Ngân hàng Nhà nước đặc biệt là quy định tại Thông tư 36/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014 của NHNN quy định về giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Thông tư 06/2016/TT-NHNN ngày 27/5/2016 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 36/2014/TT-NHNN và dẫn hướng tới xây dựng Khung quản trị rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường theo tiêu chuẩn quốc tế. NCB tiếp tục duy trì việc quản trị rủi ro thanh khoản và thị trường lành mạnh theo các chính sách và kiểm soát chặt chẽ của Ủy ban QLRR và ALCO. NCB đã tiến hành xây dựng chiến lược, chính sách và công cụ quản lý hạn mức thanh khoản, hạn mức rủi ro thị trường tuân thủ các quy định của pháp luật. Các công cụ kiểm soát rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường bao gồm: Báo cáo khe hở thanh khoản, khe hở thanh khoản nhạy cảm với lãi suất, kỳ hạn hoàn vốn bình quân, trạng thái ngoại tệ, trạng thái danh mục đầu tư... Hệ thống đo lường và phòng ngừa rủi ro thanh khoản được thiết lập qua các hạn mức như hạn mức trạng thái, hạn mức MCO, hạn mức VaR đối với từng danh mục kinh doanh, hạn mức dừng lỗ, hạn mức đối tác... đồng thời, đưa ra các kịch bản khủng hoảng thanh khoản. Hệ thống kiểm soát rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường được triển khai độc lập và theo dõi trên cả phương thức kiểm soát từ xa thông qua hệ thống phần mềm corebanking và hệ thống kiểm tra trực tiếp để giám sát và cảnh báo sớm các rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường có thể xảy ra.

c. Rủi ro hoạt động:

NCB đã thực hiện xây dựng mô hình cơ cấu tổ chức mới với mục tiêu đồng bộ các biện pháp để nâng cao chất lượng an toàn hoạt động. Trong đó, trọng tâm là cải tiến, cơ cấu lại toàn bộ bộ máy tổ chức theo hướng chuyên môn hóa, khoa học, hiệu quả, an toàn và đảm bảo sự rõ ràng trách nhiệm

của từng Đơn vị, từng cá nhân, nhằm tránh chồng chéo, lãng phí nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng, tối đa hóa hiệu suất hoạt động và giảm thiểu rủi ro. Để thực hiện mục tiêu này, NCB đã xây dựng, sửa đổi hệ thống phân cấp thẩm quyền phù hợp với mô hình cơ cấu tổ chức mới; tiến hành rà soát toàn bộ hệ thống văn bản tại NCB nhằm xây dựng, bổ sung các chốt chặn còn thiếu và yếu, thực hiện giảm thiểu rủi ro xuống mức thấp nhất; tiến hành xây dựng mô hình 3 lớp gồm (i) kiểm soát tại các đơn vị; (ii) tái kiểm tra, hậu kiểm; (iii) kiểm toán nội bộ, kiểm tra độc lập.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Kết quả kinh doanh nổi bật

- Quy mô Tổng tài sản của NCB đạt 72,422 tỷ đồng, tăng trưởng nhẹ so với năm 2017. Tổng tài sản tuy chưa đạt kế hoạch năm 2018 nhưng NCB đã duy trì và đảm bảo tốc độ tăng trưởng tổng tài sản theo mục tiêu chiến lược từ 70,000 – 90,000 tỷ đồng; tập trung vào mục tiêu hiệu quả.
- Huy động từ khách hàng và phát hành Giấy tờ có giá đạt 56,333 tỷ đồng tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng tốt ở mức trên 10% so với cùng kỳ năm 2017.
- Cho vay khách hàng đạt 35,674 tỷ đồng, duy trì mức tăng trưởng ổn định trên 10% so với 2017 và phù hợp với chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng của NHNN giao.
- Doanh thu phí dịch vụ bao gồm phí bảo lãnh tiếp tục đạt mức tăng trưởng cao so với năm 2017, đạt 139 tỷ đồng và cũng là năm có mức tăng doanh thu từ dịch vụ cao nhất trong các năm gần đây. Hoạt động thu phí dịch vụ đã có sự đa dạng các lĩnh vực và sản phẩm dịch vụ, trong đó mục tiêu chiến lược của NCB đang hướng tới và tiếp tục tập trung cải tiến tăng doanh thu từ các mảng dịch vụ thẻ, ngân hàng điện tử - NCB smart tăng sự trải nghiệm thông minh đem tới cho khách hàng.
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2018 đạt 224 tỷ đồng; thấp hơn so với kế hoạch nhưng vẫn đảm bảo duy trì hiệu quả của Ngân hàng theo định hướng tái cơ cấu danh mục tài sản sinh lời, hạn chế/giảm dần các tài sản không sinh lời có ảnh hưởng không tốt tới hoạt động kinh doanh NCB. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất của Ngân hàng đạt kết quả khả quan với giá trị hơn 88 tỷ đồng, tăng tương đương 184% so với năm 2017. Kết quả lợi nhuận của NCB vẫn đảm bảo cam kết trích lập cho các khoản đề án tái cấu trúc giai đoạn 2011 -2015 theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước.
- Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) cuối năm 2018 của NCB tiếp tục duy trì trên giới hạn quy định của NHNN (ước đạt 9.41%). Bước sang năm 2019 sau khi Ngân hàng hoàn thành mục tiêu tăng vốn và tiềm lực tài chính thông qua hợp tác chiến lược thì chắc chắn các chỉ số giới hạn đảm bảo an toàn hoạt động của NCB (trong đó có chỉ số CAR) sẽ được cải thiện tốt dần lên.

1.2 Các giải thưởng trong nước và quốc tế đạt được năm 2018

Trong năm 2018, NCB tiếp tục dành được những ghi nhận qua các giải thưởng trong nước và quốc tế:

- Thương hiệu mạnh Việt Nam năm 2018 do Thời báo Kinh tế Việt Nam trao tặng (là năm thứ 4 liên tiếp NCB nhận giải thưởng này)
- Top 50 nhãn hiệu nổi tiếng Việt Nam do Hội sở hữu trí tuệ Việt Nam trao tặng
- Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam do Vietnam Report trao tặng
- Ngân hàng có môi trường làm việc tốt nhất Việt Nam năm 2018 do Tạp chí Global Business Outlook trao tặng

- Ngân hàng có trách nhiệm xã hội do Tạp chí Global Business Outlook trao tặng

2. Tổ chức nhân sự

2.1 Danh sách Ban lãnh đạo Ngân hàng

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Nguyễn Tiến Dũng – Chủ tịch Hội đồng Quản trị:

- Ông Nguyễn Tiến Dũng được Đại hội đồng cổ đông năm 2017 của Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB) bầu làm Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2015-2020 và hiện là Chủ tịch HĐQT NCB.
- Ông Nguyễn Tiến Dũng tốt nghiệp Tiến sĩ ngành vật lý lý thuyết Đại học Tổng hợp Quốc gia Belarus (Liên Xô cũ). Ông có hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng với nhiều vị trí quản lý quan trọng như Trưởng Ban Chiến lược & Phát triển Ngân hàng TMCP Quốc Dân; Quyền Tổng Giám đốc VPBank; Ban Giám đốc Ngân Hàng Á Châu (ACB) Chi nhánh Hà Nội và Hải Phòng.

Ông Vũ Hồng Nam – Thành viên Thường trực HĐQT

- Ông Vũ Hồng Nam được Đại hội đồng cổ đông năm 2013 của Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB) bầu làm Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2010-2015. Năm 2015, Ông Vũ Hồng Nam tiếp tục được Đại hội đồng cổ đông NCB tín nhiệm bầu tiếp vào HĐQT NCB nhiệm kỳ 2015-2020. Hiện Ông Vũ Hồng Nam là Thành viên thường trực Hội đồng Quản trị.
- Tốt nghiệp Cử nhân Vật Lý và Vật Lý thiên văn, Trường Đại học Tổng Hợp Quốc Gia Kharkov, Ucraina, (Liên Xô cũ). Ông Vũ Hồng Nam có nhiều năm kinh nghiệm đảm nhiệm các vị trí quản lý cao cấp về tài chính, quản lý quỹ.

Ông Vũ Mạnh Tiến - Thành viên Thường trực HĐQT; Phó Tổng Giám đốc thường trực

- Ông Vũ Mạnh Tiến được ĐHCĐ năm 2017 của NCB bầu làm Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2015-2020 và hiện Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc NCB.
- Ông Vũ Mạnh Tiến tốt nghiệp Thạc sỹ ngành Luật và Kinh tế tại trường Đại học Tours (Pháp) và Đại học Ngoại Thương, bằng Quản lý Kinh tế, Quản lý hành chính ở các trường IIAP, ENA, Paris, Pháp và với hơn 24 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng tại Việt Nam. Ông từng đảm nhiệm các vị trí quan trọng như Phó Tổng Giám đốc phụ trách miền Bắc kiêm Giám đốc Chi nhánh Hà Nội, Ngân hàng TMCP Quốc Dân; Phó Tổng Giám đốc phụ trách Nguồn vốn Ngân hàng Đại Á – khu vực Miền Bắc; Trưởng phòng Đầu tư nước ngoài, Trưởng phòng vãng lai thuộc Vụ Quản lý ngoại hối Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Bà Trần Hải Anh - Thành viên HĐQT:

- Bà Trần Hải Anh được Đại hội đồng cổ đông năm 2014 của Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB) bầu làm Thành viên HĐQT. Năm 2015, Bà tiếp tục được Đại hội đồng cổ đông NCB tín nhiệm bầu tiếp vào HĐQT NCB nhiệm kỳ 2015-2020 và hiện là Thành viên Hội đồng Quản trị.
- Tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Doanh nghiệp tại Đại học Nantes – Cộng hoà Pháp. Bà Trần Hải Anh có nhiều năm kinh nghiệm và đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng như: Phó chủ tịch HĐQT và Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Phương Nam (2004 - 2012); Chủ tịch thường trực HĐQT và Tổng Giám đốc tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân.

Bà Nguyễn Thị Mai – Thành viên HĐQT; Phó Tổng Giám đốc

- Bà Nguyễn Thị Mai được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 của Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB) bầu làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2010 – 2015. Năm 2015, Bà tiếp tục được Đại hội đồng cổ đông NCB tín nhiệm bầu tiếp vào HĐQT NCB nhiệm kỳ 2015-2020 và

hiện là Thành viên thường trực Hội đồng Quản trị và được HĐQT bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc NCB.

- Tốt nghiệp Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng; Học viện Tài chính. Bà Nguyễn Thị Mai có hơn 15 năm kinh nghiệm đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo quan trọng như Thành viên HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát, Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng các Công ty lớn.

Ông Lê Hồng Phương – Thành viên HĐQT

- Tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế - Đối Ngoại Trường Đại học Khoa học Xã hội và nhân văn, Cử nhân Anh Văn Trường Đại học Ngoại Ngữ.
- Ông Lê Hồng Phương có gần 15 năm kinh nghiệm tại các tổ chức uy tín trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng và từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại Ngân hàng TMCP.
- Tại NCB, Ông Lê Hồng Phương đã từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Vận hành; Chánh Văn phòng HĐQT; Phó trưởng ban Chiến lược và Phát triển Ngân hàng.
- Từ tháng 10/2017 Ông Lê Hồng Phương được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Quốc Dân.

Ông Trần Kim Chung - Thành viên HĐQT

- Ông Trần Kim Chung được Đại hội đồng cổ đông tháng 11/ năm 2017 của Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB) bầu làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2015 -2020 và hiện là Thành viên Hội đồng Quản trị.
- Tốt nghiệp Cử nhân Khoa Ngoại Thương Trường Đại học Kinh Tế TP HCM, Ông đã tham gia các khóa học ngắn hạn tương đương học vị MBA tại Thái Lan, Hàn Quốc, Singapore, Mỹ (Trường ĐH Harvard) chuyên ngành Quản Trị Kinh Doanh. Ông Trần Kim Chung, có hơn 25 năm kinh nghiệm quản lý doanh nghiệp, ông từng đảm nhiệm các vị trí quan trọng như: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tập đoàn CT (CT Group); Phó Chủ tịch Hiệp hội Bất Động Sản TP HCM nhiệm kỳ III (2016-2021).

Ông Lê Xuân Nghĩa - Thành viên độc lập HĐQT

- Ông Lê Xuân Nghĩa được Đại hội đồng cổ đông tháng 4/năm 2015 của Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB) bầu làm thành viên HĐQT độc lập nhiệm kỳ 2015 -2020.
- Tốt nghiệp Tiến sĩ toán kinh tế - ĐH Tổng Meserburg (Đức), Tiến sĩ kinh tế Đại học Harvard, Hoa Kỳ. Ông Lê Xuân Nghĩa có hơn 30 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ và ngân hàng. Trong đó, Ông có nhiều năm hoạt động trong lĩnh vực kinh tế nhà nước và làm cố vấn kinh tế cho các Thủ tướng Việt Nam và Lào.
- Trước khi tham gia Thành viên HĐQT NCB, Ông từng đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng tại một số cơ quan nhà nước và tổ chức uy tín cả trong và ngoài nước như: Thành viên Tổ tư vấn của Thủ tướng Việt Nam; cố vấn cho Thủ tướng Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; Thành viên hội đồng tư vấn tài chính tiền tệ Nhà nước Việt Nam; Phó Chủ tịch Ủy ban giám sát tài chính quốc gia...

BAN KIỂM SOÁT

Bà Trần Thị Hà Giang – Trưởng Ban kiểm soát

- Bà Trần Thị Hà Giang được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB) bầu làm Trưởng Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2015 – 2020.
- Tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Trường đại học Irvine University – California, Hoa Kỳ

- Trước khi gia nhập NCB, bà đã đảm nhận nhiều vị trí quan trọng: Thành viên Ban Kiểm soát, Trưởng ban Kiểm toán nội bộ tại Ngân hàng HabuBank.

Ông Lê Trọng Hiếu - Thành viên chuyên trách ban Kiểm soát

- Ông Lê Trọng Hiếu được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 của Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB) bầu vào Ban Kiểm soát đảm nhiệm chức vụ Thành viên chuyên trách Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2010 – 2015. Năm 2015, Ông tiếp tục được Đại hội đồng cổ đông NCB tín nhiệm bầu tiếp vào Ban Kiểm soát NCB nhiệm kỳ 2015 – 2020 với chức danh Thành viên chuyên trách Ban kiểm soát.
- Tốt nghiệp Thạc sĩ ngành Tài chính Ngân hàng, Đại học Khoa học ứng dụng NorthWestern, Thụy Sĩ. Ông Lê Trọng Hiếu từng đảm nhiệm nhiều vị trí công tác là Kế toán trưởng tại nhiều Công ty.

Bà Vũ Kim Phượng - Thành viên chuyên trách ban Kiểm soát

- Bà Vũ Kim Phượng được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 của Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB) bầu vào Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2015 – 2020 với chức danh Thành viên chuyên trách Ban kiểm soát.
- Tốt nghiệp Cử nhân Tài chính kế toán Đại học Thương Mại, bà từng đảm nhận vị trí Kế toán trưởng, Phó phòng Kiểm toán nội bộ tại một số Doanh nghiệp, Ngân hàng.

BAN ĐIỀU HÀNH

Ông Lê Hồng Phương - Tổng Giám đốc

- Như đã trình bày tại phần Hội đồng quản trị

Ông Vũ Mạnh Tiến - Phó Tổng Giám đốc thường trực

- Như đã trình bày tại phần Hội đồng quản trị

Bà Nguyễn Thị Mai – Phó Tổng Giám đốc

- Như đã trình bày tại phần Hội đồng quản trị

Bà Dương Thị Lệ Hà – Phó Tổng Giám đốc Thường trực

- Bà Dương Thị Lệ Hà được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc thường trực
- Tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế Đối Ngoại, ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc Đại học Quốc Gia Hà Nội, Bà Dương Thị Lệ Hà có hơn 23 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng.
- Trước khi gia nhập NCB, bà đã đảm nhận nhiều vị trí quan trọng tại Ngân hàng Á Châu và Ngân hàng Phương Nam.

Ông Hoàng Tuấn Tú - Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Khách hàng Doanh nghiệp

- Tốt nghiệp Thạc sĩ tại trường Đại học tổng hợp Sunderland Vương quốc Anh.
- Ông Tú đã có nhiều năm kinh nghiệm và làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và đảm nhận nhiều chức vụ quan trọng tại ngân hàng SeABank, Techcombank, Agribank, Liên doanh Viễn thông Di động HTmobile (Vietnammobile).

Ông Nguyễn Hồng Long - Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Nguồn vốn và Thị trường Tài chính

- Tốt nghiệp Thạc sĩ Ngân hàng – Tài chính. Ông Nguyễn Hồng Long đã có trên 14 năm kinh nghiệm làm việc tại các ngân hàng uy tín trong nước & quốc tế. Trước khi được bổ nhiệm làm Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Khối Nguồn vốn & Thị trường Tài chính tại Hội sở chính- Ngân hàng TMCP Quốc Dân, Ông Nguyễn Hồng Long đã từng đảm nhiệm chức vụ: Phó Giám

đốc, Giám đốc Kinh doanh các sản phẩm cấu trúc Ngân Hàng Techcombank; Phó Giám đốc, Giám đốc Thị trường trong nước ngân hàng ABN, AMRO...

Ông Phạm Thế Hiệp – Phó Tổng Giám đốc

- Ông Phạm Thế Hiệp đã có hơn 27 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng và đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại các Tổ chức tín dụng như: Techcombank, ACB, Maritime Bank. Tại NCB, trước khi được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc, ông Phạm Thế Hiệp là Giám đốc Khối Ngân hàng Doanh nghiệp.

2.2 Hoạt động quản trị nguồn nhân lực

Tính đến 31/12/2018 NCB có 2.000 cán bộ nhân viên. Các nhân sự lãnh đạo đơn vị đều đáp ứng các yêu cầu theo quy định của NHNN cũng như yêu cầu, tiêu chuẩn của NCB về trình độ chuyên môn (tốt nghiệp đại học kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh...) và số năm kinh nghiệm làm việc trực tiếp trong ngành Ngân hàng.

Năm 2018, với chiến lược chú trọng về chất lượng nhân sự và nâng cao năng suất lao động, Khối QTNNL đã đánh giá lại chất lượng nhân sự và các chính sách hiện tại làm căn cứ xây dựng kế hoạch/các giải pháp tổng thể. Cụ thể như sau:

- Hoàn thiện Quy định về Hợp đồng lao động, Chấm dứt Hợp đồng lao động, Nội quy lao động phù hợp với các quy định của Pháp luật hiện hành và thực tế hoạt động kinh doanh của Ngân hàng nhằm tạo môi trường làm việc công bằng và hiệu quả;
- Chế độ đãi ngộ: Điều chỉnh lại cơ cấu tổng thu nhập phù hợp hơn với các quy định của pháp luật hiện hành; tiếp tục thực hiện cơ chế khoán một phần quỹ lương thông qua việc thông tin về định biên và quỹ lương để các đơn vị nắm, quản lý và có những đề xuất phù hợp về nhân sự, từ đó nâng cao vai trò quản lý của các cấp trong Ngân hàng đồng thời tạo cơ chế linh hoạt trong việc thu hút, giữ chân nhân tài;
- Rà soát và hiệu chỉnh lại về hệ thống chức danh, mô tả công việc, phân cấp chức danh, làm tiền đề cho việc điều chỉnh Quy chế tiền lương cho phù hợp với tình hình thực tế và xây dựng thang bảng lương mới phù hợp hơn với NCB và mang tính cạnh tranh thị trường;
- Rà soát, hiệu chỉnh lại về cơ cấu tổ chức nhằm phù hợp với tình hình thực tế, tinh gọn và tối ưu hóa bộ máy nhân sự;
- Tiếp tục triển khai chương trình Teambuilding thông qua chính sách nghỉ mát cho CBNV nhằm tăng cường sự giao lưu, hiểu biết lẫn nhau của CNB trong hệ thống cũng như sự lưu giữ hình ảnh của NCB qua các hoạt động tập thể; Chương trình cho vay ưu đãi CBNV và CBQL; Chương trình BHSK cho CBQL;
- Tiếp tục mở rộng đối tượng tham gia chương trình BHSK nhằm nâng cao chế độ đãi ngộ cho CBNV;
- Quy hoạch cán bộ nguồn thông qua đánh giá, đào tạo và đãi ngộ các CBNV thuộc HiPO và HiPER: hoàn thành việc đánh giá và lập danh sách các CBNV thuộc HiPo, HiPer và đề xuất phê duyệt chính sách đãi ngộ phù hợp với tình hình thực tế của NCB;
- Thực hiện việc đánh giá KPIs định kỳ hàng tháng đối với các CBNV kinh doanh, từ đó có những nhắc nhở đối với nhân sự chưa hoàn thành nhằm thúc đẩy kết quả kinh doanh, phù hợp với kế hoạch và định hướng đã đề ra;
- Duy trì cơ chế đánh giá định kỳ nhân sự từ cấp quản lý đến nhân viên toàn hệ thống; tiếp tục sàng lọc thay thế những nhân sự yếu kém, đặc biệt là ở cấp quản lý và các vị trí chuyên môn;

- Thực hiện việc rà soát và điều chỉnh lương cho CBNV phù hợp với năng lực, đóng góp, thông qua đó ghi nhận và giữ chân nhân sự;
- Xây dựng khung năng lực là nền tảng của đánh giá cán bộ, xây dựng lộ trình đào tạo, lộ trình thăng tiến cho CBNV;
- Xây dựng chuỗi dự án Môi trường làm việc nhằm tạo dựng, tôn vinh và phát triển giá trị cốt lõi của tổ chức và nguồn nhân lực NCB: Đoàn ông vào bếp, Đại sứ chất lượng dịch vụ, SharkTank – Thương vụ N23....;
- Bên cạnh các chương trình Đào tạo truyền thống, xây dựng các Dự án mới để nâng cao năng lực đào tạo và phối hợp tạo nguồn nhân sự cho tương lai: Chuẩn hóa giảng viên nội bộ, Chương trình hợp tác với các trường đại học/cao đẳng;
- Nhằm theo kịp xu hướng 4.0, triển khai Dự án số hóa các công cụ quản lý nhân sự như: Phần mềm quản lý các yêu cầu từ Đơn vị HRis, Phần mềm phê duyệt các nội dung nhân sự iBPM, phần mềm nhân sự (Gồm quản lý tuyển dụng, quản lý định biên, quản lý quan hệ lao động, quản lý nghỉ phép...).

3. Tình hình tài chính

3.1 Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Tỷ VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% Biến động
Tổng tài sản	71.842	72.422	1%
Lợi nhuận trước thuế	31	88	184%
Lợi nhuận sau thuế	22	36	64.5%

3.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Đơn vị tính: Tỷ VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
Quy mô vốn		
- Vốn điều lệ	3.010	3.010
- Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) hợp nhất	9.27%	9.58%
Kết quả hoạt động kinh doanh		
- Tiền gửi khách hàng và phát hành giấy tờ có giá	51.119	56.333
- Dự nợ cho vay khách hàng	32.111	35.674
- Tỷ lệ nợ quá hạn	1.54%	1.67%
- Lợi nhuận thuần từ HĐKD (trước DPRR)	266	224

Khả năng thanh khoản (*)		
- Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	15.84%	16.67%
- Tỷ lệ khả năng chi trả 30 ngày VNĐ	76.81%	76.22%
- Tỷ lệ khả năng chi trả 30 ngày ngoại tệ	Tuân thủ	Tuân thủ

NCB luôn chấp hành đầy đủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước, của NCB về tỷ lệ an toàn hoạt động Ngân hàng.

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thông tin cổ đông:

- Tổng số cổ đông là: 652 Cổ đông
- Cơ cấu cổ đông:

STT	Loại cổ đông	Số cổ đông	Tỷ lệ %
1	Cá nhân trong nước	612	79,79%
2	Cá nhân nước ngoài	16	0,02%
3	Tổ chức trong nước	19	19,98%
4	Tổ chức nước ngoài	04	0,012%
	Cổ phiếu quỹ	01	1,1%
	Tổng cộng:	652	100%
Vốn điều lệ:			3.010
Vốn chủ sở hữu			3.230

Vốn điều lệ:

Vốn điều lệ tại NCB năm 2018 không thay đổi so với năm 2017: 3.010 tỷ đồng.

III. Báo cáo đánh giá của Ban Điều Hành

1. Huy động vốn:

- Đánh giá trong giai đoạn 2015 -2018, hoạt động kinh doanh của NCB xác định mục tiêu chiến lược rất rõ ràng, cụ thể và đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh bền vững theo 03 mục tiêu trụ cột. Với việc tiếp tục thực hiện mục tiêu chiến lược **Hiệu quả** và **Bền vững**, năm 2018 NCB đã tập trung cho việc điều chỉnh cơ cấu huy động theo hướng hiệu quả hơn; tăng cường cơ cấu huy động ngắn hạn giá thấp và chuyển dịch/giảm dần các danh mục huy động dài hạn giá cao và chưa hiệu quả, cải thiện tỷ trọng nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn, đóng góp vào chỉ tiêu hiệu quả hoạt động của Ngân hàng.
- Tỷ trọng cơ cấu tiền gửi khách hàng cá nhân đạt trên 84% tổng huy động và tiền gửi không kỳ hạn tiếp tục duy trì ở hướng tích cực tương ứng đạt trên 7%, mặc dù vẫn còn nhiều thách thức để tăng tỷ trọng này trong năm 2019 và các năm tiếp theo.

- Đặc biệt là nguồn vốn không kỳ hạn đã có sự tăng trưởng từ mức 5.5% năm 2016 lên 6.8% năm 2017 và đạt trên 7% trong năm 2018 thông qua việc đẩy mạnh huy động, các chính sách quản lý dòng tiền từ nhóm khách hàng doanh nghiệp, quỹ đầu tư; tập trung đẩy mạnh các dịch vụ ngân hàng điện tử, digital banking, tăng số lượng giao dịch của khách hàng qua các kênh như Thẻ, Ngân hàng Số (NCB Smart), dịch vụ thanh toán/trung gian thanh toán...; đồng thời tiếp tục hợp tác đẩy mạnh với đối tác chiến lược, trung gian thanh toán/ví điện tử để tăng cường khai thác quy mô khách hàng, thanh toán dịch vụ. Đây cũng chính là cơ sở và tiền đề vững chắc để NCB thực hiện mạnh mẽ hơn việc giảm chi phí huy động, cải thiện NIM hiệu quả trong năm 2019 và giai đoạn phát triển 2020 -2025 tới đây.

2. Sử dụng vốn

- Trong năm 2018, hoạt động kinh doanh của NCB đã chú trọng mạnh hơn cho mục tiêu phát triển **Bền vững** đối với công tác sử dụng vốn, đặc biệt là đối với hoạt động cho vay khách hàng. Bên cạnh việc tiếp tục tăng cường cải tiến mạnh mẽ hơn chất lượng cho các sản phẩm cho vay chiến lược Nhà - Xe trong phân khúc bán lẻ, Ban Điều hành NCB đã chủ động tái cấu trúc danh mục cho vay sang các phân khúc khách hàng hiệu quả hơn, ưu tiên cho phân khúc khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME), tập trung khai thác khách hàng vay ngắn hạn - vay vốn kinh doanh và bổ sung vốn lưu động; tập trung khai thác các sản phẩm cho vay có margin cao đem lại hiệu quả lợi nhuận tốt, gói sản phẩm tiêu dùng tín chấp (thông qua một số đối tác là Công ty Nhất Chính) và chương trình cho vay đặc thù với các đối tác chiến lược như: FLC, nhóm Quỹ đầu tư tỉnh/thành phố, nhóm Hệ sinh thái y tế- dược, ...

3. Phát triển sản phẩm, dịch vụ mới và hoạt động phi tín dụng

- Tính đến hết năm 2018 tổng số lượng quy mô khách hàng của Ngân hàng đã tăng trưởng đáng kể so với năm 2017, đạt mốc gần nửa triệu khách hàng tạo nền tảng cơ sở thuận lợi để NCB triển khai nhiều sản phẩm dịch vụ bán lẻ đa dạng hướng tới từng nhóm khách hàng mục tiêu.
- Với sự đầu tư nâng cấp hệ thống ngân hàng lõi corebanking T24 từ năm 2015 và hoàn thiện các giải pháp thanh toán ngân hàng điện tử, trong năm 2018 NCB đã nỗ lực đưa ra nhiều dịch vụ mới trên nền tảng ứng dụng Ngân hàng số NCB; bắt đầu thực hiện mô hình dịch vụ theo Hệ sinh thái khách hàng; tăng cường bán chéo/ bán thêm với các sản phẩm thu phí như Thẻ tín dụng Visa dành riêng cho từng phân khúc khách hàng; tăng mạnh doanh thu bán bảo hiểm bancassurance với Bảo hiểm Maplife, các sản phẩm hợp tác bảo hiểm với Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt và một số đối tác bảo hiểm lớn trên thị trường Việt Nam hiện nay.

4. Quản trị rủi ro, tuân thủ và an ninh bảo mật công nghệ thông tin

- Trong khuôn khổ các mục tiêu định hướng chiến lược phát triển **Bền vững**, NCB đã tập trung biện pháp tăng cường kiểm soát và nâng cao chất lượng tín dụng, kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng mới phát sinh, nâng cao vai trò công tác cảnh báo sớm, xây dựng mô hình quản trị rủi ro theo tổ chức 03 lớp kiểm soát hiệu quả theo định hướng tuân thủ của Thông tư số 13/2018/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước. Năm 2018, NCB đã thực hiện rà soát chuẩn hóa lại mô hình bộ máy phê duyệt cấp tín dụng từ cấp Chuyên gia phê duyệt tín dụng (độc lập, kiêm nhiệm) đến cấp Hội đồng Tín dụng các cấp, thống nhất phân luồng thẩm định hồ sơ đảm bảo hiệu quả và quản trị rủi ro. Đặc biệt Ban Điều hành cũng đã có phân tích, xác định rõ các cấp thẩm quyền phê duyệt tín dụng của Ban Tổng Giám đốc với Hội đồng Quản trị theo hướng độc lập, tách biệt rõ vai trò kiểm soát, điều hành. Đồng thời BÐH NCB cũng đã xác định và phân tách rõ tổ chức hoạt động của Trung tâm Thẩm định và Khối Quản trị rủi ro độc lập theo đúng quy định tuân thủ của Thông tư số 13/2018/TT-NHNN.

- Ban Điều hành NCB cũng đã quyết liệt chỉ đạo tăng cường công tác xử lý, thu hồi nợ thông qua các văn bản chỉ đạo, giao chỉ tiêu cam kết xử lý thu hồi nợ tới từng Chi nhánh, Phòng Giao dịch và Đơn vị kinh doanh (rà soát và triển khai quyết liệt các giải pháp xử lý nợ xấu theo từng khách hàng); triển khai mạnh mẽ công tác kiểm soát sau/hậu kiểm nhằm kiểm soát tuân thủ tại các bộ phận DVKH và TNTD của Khối Vận hành, tăng cường giám sát từ xa nhằm phát hiện và hạn chế rủi ro.
- Cũng trong năm 2018, dưới sự chỉ đạo của HĐQT, BĐH NCB đã quyết liệt hoàn thiện các bước cuối cùng đưa vào vận hành Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ theo tư vấn của KPMG và khởi động thành lập Ban triển khai dự án Basell 2 theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN; chuẩn hóa dữ liệu tín dụng sau golive T24, đưa vào vận hành hệ thống báo cáo quản trị mới và dự án cảnh báo sớm về an ninh bảo mật CNTT, hệ thống quản lý hồ sơ phê duyệt tập trung LOS - Giai đoạn 1.

5. Phát triển thương hiệu và Nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng

- Song song với chú trọng phát triển kinh doanh theo chiến lược **Hiệu quả**, năm 2018 NCB còn đạt được những kết quả đáng khích lệ trong hoạt động phát triển thương hiệu và nâng cao giá trị định vị NCB trên thị trường tới khách hàng, đối tác thông qua việc tiếp tục duy trì và thúc đẩy các chương trình nâng cao chất lượng dịch vụ tại quầy; chương trình đồng hành Thổi Bùng khát vọng cùng U23 Việt Nam. Đặc biệt là các chương trình Đại sứ chất lượng DVKH năm 2018 (với một loạt chuỗi chương trình tổ chức trong năm 2018 bao gồm: Bright Monday, Tri ân DVKH, Gương mặt CLDV, Đơn vị CLDV tiêu biểu, chương trình Ngày thứ 2 rực rỡ Bright Monday và kết thúc bằng sự kiện Cuộc thi gương mặt Đại sứ Chất lượng Dịch vụ năm 2018) tạo được sức ảnh hưởng, lan tỏa lớn không chỉ với cán bộ nhân viên mà còn đem lại hình ảnh tốt đẹp giá trị thương hiệu NCB tới khách hàng và đối tác.
- NCB cũng là một trong số ít các Ngân hàng duy trì và tổ chức được Ngày tri ân khách hàng thường niên (tổ chức vào các dịp đầu tháng 01 hàng năm) kết hợp với chương trình thiện nguyện, tài trợ/đồng hành cùng với những hoàn cảnh khó khăn trên cả nước: xây cầu, xây trường học, tặng quà và trao học bổng, tài trợ cho các chương trình mô tim, hờ hàm ếch (răng hàm mất), ...
- Tổng kết hoạt động hình ảnh thương hiệu năm 2018, NCB tiếp tục được vinh danh đón nhận ở các hạng mục giải thưởng lớn uy tín như: Giải thưởng Thương hiệu mạnh Việt Nam của Thời báo Kinh tế Việt Nam tổ chức (đây là giải thưởng mà NCB đạt được 04 năm liên tiếp gần đây); Ngân hàng có môi trường làm việc tốt nhất Việt Nam năm 2018 và Ngân hàng có trách nhiệm xã hội do Tạp chí Global Bussiness Outlook trao tặng; giải Top 50 nhãn hiệu nổi tiếng Việt Nam, Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2018 cùng nhiều giải thưởng cao quý khác.

6. Phát triển nguồn nhân lực và Văn hóa doanh nghiệp

- Tính đến cuối năm 2018, tổng nhân sự toàn hệ thống NCB đạt 2,000 người, giảm nhẹ so với cuối năm 2017 (khoảng 2,142 người), trong đó có trên 88% cán bộ nhân viên có trình độ đại học, thạc sỹ có năng lực chuyên môn và đóng góp quan trọng trong hoạt động của Ngân hàng những năm vừa qua. Theo thống kê tỷ lệ tuyển dụng mới nhân sự bù đắp cho lượng nghỉ việc tự nhiên ở mức tương đương nhau.
- Đi đôi với việc tiếp hoàn thiện bộ máy cấp quản lý của Khối/Trung tâm Hội sở, Giám đốc Vùng/chi nhánh, năm 2018 đội ngũ cấp quản lý Ban Điều hành NCB cũng đã được tăng cường và bổ sung thêm các thành viên mới (các thành viên Phó TGD phụ trách chuyên trách, Ban Giám đốc Khối Kinh doanh và Khối Vận hành) tạo luồng sinh khí, động lực và tinh thần làm việc cho NCB tiếp tục phát triển vững chắc theo đúng định hướng chiến lược của HĐQT đã xác

định.

- NCB cũng đã triển khai một loạt chính sách nhân sự nhằm mục đích giữ chân cán bộ nguồn có trình độ năng lực, tạo sự gắn bó lâu dài của người lao động với NCB phát triển ổn định bền vững như: chương trình Hipo, Hiper, chương trình đào tạo của lãnh đạo Ban Điều hành trực tiếp đối thoại với NCBers (Talkshow - Những người tiếp lửa), các chương trình Đại hội chiến binh Sales, ... hướng tới mục tiêu chiến lược đưa NCB trở thành Ngân hàng có dịch vụ tư vấn tài chính hiệu quả tốt nhất.
- Ngoài ra, NCB cũng luôn coi trọng công tác phát triển văn hóa doanh nghiệp, tạo sự gắn kết toàn thể cán bộ nhân viên thông qua các chương trình được tiếp nối tổ chức thành công từ năm 2017 như: chương trình Teambuilding, chương trình Thứ hai hào sảng Powerfull Monday - Chào cờ đầu tuần, Không gian âm nhạc NCB; bản tin Không gian NCB hàng tuần và triển khai phát đầu đặn bản tin Đài phát thanh VON tại Hội sở chính vào mỗi buổi chiều thứ 6 hàng tuần.

IV. Đánh giá của Hội đồng Quản trị

Năm 2018 là một năm ấn tượng của nền kinh tế Việt Nam với các điểm nhấn về hội nhập kinh tế quốc tế khi Hiệp định Đối tác toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) chính thức có hiệu lực. Đây cũng là năm tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt tốc độ cao nhất trong vòng 10 năm qua, GDP đạt trên 7% trong khi đó lạm phát chỉ ở mức 3,78% thấp hơn mục tiêu mà Quốc hội giao là 4%.

Hòa chung với sự phát triển của nền kinh tế - xã hội, NCB tiếp tục với những bước đi vững chắc, kiên định với các mục tiêu chiến lược đặt ra: Phát triển bền vững, Gia tăng hiệu quả, Đột phá để khác biệt. Nhằm đa dạng nguồn doanh thu, NCB luôn chú trọng phát triển theo phân khúc khách hàng cá nhân, khách hàng theo quy mô hệ sinh thái, chuỗi giá trị hệ sinh thái, huy động nguồn vốn giá rẻ (CASA), tập trung nguồn lực trong công tác xử lý nợ xấu, kiểm soát rủi ro và tiết giảm chi phí hợp lý thông qua việc tinh gọn mô hình kinh doanh, nâng cao năng suất lao động và mở rộng quan hệ đối tác với các công ty Fintech có thương hiệu lớn trên thị trường trong và ngoài nước.

- Kết quả tài chính tiếp tục khởi sắc:

Cuối năm 2018, tổng tài sản NCB đạt 72.422 tỷ đồng, đạt 76% kế hoạch và tăng so với 2017. Tài sản tiếp tục tăng trưởng với cấu trúc bền vững, hiệu quả thông qua sự đóng góp đáng kể của các hoạt động cốt lõi như: Cho vay khách hàng đạt 35.674 tỷ đồng ; Huy động từ khách hàng đạt 56.333 tỷ đồng tăng trên 10% so với năm 2017.

Cấu trúc sản phẩm cho vay có nhiều thay đổi, NCB đã tập trung đẩy mạnh các sản phẩm dịch vụ mang lại hiệu quả cao như tập trung sản phẩm cho vay tín chấp dành cho khách hàng cá nhân là cán bộ công nhân viên chức; xây dựng và phát triển các hệ sinh thái trong việc cung cấp dịch vụ cho khách hàng; đồng thời các sản phẩm truyền thống cho vay Nhà và Xe vẫn tiếp tục được đẩy mạnh. Bên cạnh việc tập trung tăng trưởng quy mô, công tác kiểm soát và thu hồi nợ xấu cũng được triển khai hiệu quả, tính đến hết 31/12/2018 tỷ lệ nợ xấu tại NCB được kiểm soát theo quy định dưới 3%.

- Đột phá để khác biệt:

Trong năm 2018, NCB chú trọng triển khai nhiều hệ thống phần mềm, đặc biệt phát triển mạnh mẽ về Ngân hàng số (Digital Banking) như: Triển khai hệ thống Công nghệ hợp kênh (Omni - Channel) đây là một bước phát triển cao hơn của công nghệ đa kênh và là công nghệ tiên tiến nhất hiện nay. Điểm khác biệt và vượt trội của Omni - Channel là cung cấp những trải nghiệm liền mạch cho người dùng khi đang giao dịch ở bất kỳ kênh giao dịch điện tử hoặc ở các thiết bị như: internet banking, mobile banking. Ngoài ra, NCB ký liên kết thành công với nhiều đối tác là các tập đoàn

lớn trong và ngoài nước, các công ty Fintech như: Napas; Payoo và kết nối thành công với Ví điện tử của Zalo Pay; Airpay; Cung cấp dịch vụ thanh toán cho khách hàng Trung Quốc tại Việt nam thông qua ví điện tử Alipay và WechatPay.

Nhìn chung, kết quả hoạt động trong năm 2018 đã có nhiều tiến bộ, bám sát định hướng chiến lược của NCB.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ của HĐQT và các thành viên trong HĐQT

Được sự đồng thuận, ủng hộ và tin tưởng của toàn thể Quý cổ đông, Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Quốc Dân đã nỗ lực suốt một năm qua, thực hiện tốt các Nghị quyết tại Đại hội đồng cổ đông năm 2018 và hoàn thành các nhiệm vụ được ĐHCĐ tín nhiệm giao cho, cụ thể như sau:

Kết quả thực hiện nhiệm vụ của HĐQT và các thành viên trong HĐQT

- HĐQT luôn bám sát các hoạt động của Ngân hàng, kiên định với các mục tiêu chiến lược đặt ra nhằm đưa ngân hàng phát triển bền vững ổn định, gia tăng hiệu quả và đột phá khác biệt. Trong năm 2018, HĐQT đã tổ chức 4 cuộc họp định kỳ vào 4 quý và 51 cuộc họp cấp thường trực HĐQT.
- Triển khai các công việc thông qua các chi đạo trực tiếp/gián tiếp với Ban điều hành; đồng thời tham gia vào các Ủy ban/Hội đồng trực thuộc HĐQT với sự phân công công việc cụ thể như: Ủy ban Nhân sự; Ủy ban Quản lý rủi ro; Ủy ban công nghệ; Hội đồng xử lý rủi ro; Hội đồng đầu tư.
- Triển khai thực hiện Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 19/7/2017 và chỉ đạo của NHNN về việc xây dựng Phương án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu”, năm 2018, HĐQT tiếp tục chỉ đạo và tham gia cùng Ban Điều hành triển khai và đệ trình NHNN phê duyệt Phương án “Tái cơ cấu hệ thống NCB gắn với xử lý nợ xấu”. Hiện nay Phương án này đã được NCB trình Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền.
- Năm 2018, các thành viên HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao với vai trò Thành viên HĐQT và thành viên các Ủy ban/Hội đồng trực thuộc HĐQT

VI. Báo cáo tài chính: (Phụ lục 02 đính kèm)

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



**TỔNG GIÁM ĐỐC
LÊ HỒNG PHƯƠNG**



Thương trực HĐQT
 Ủy ban Nhân sự
 Ủy ban Quản lý rủi ro
 Hội đồng Xử lý rủi ro
 Hội đồng Đầu tư
 Ủy ban Công nghệ
 Ban Chiến lược và Phát triển Ngân Hàng

Hội đồng Alco
 Hội đồng Tin dùng
 Ban Xử lý rủi ro
 Hội đồng sản phẩm

Đại hội đồng Cổ đông

Hội đồng Quản trị

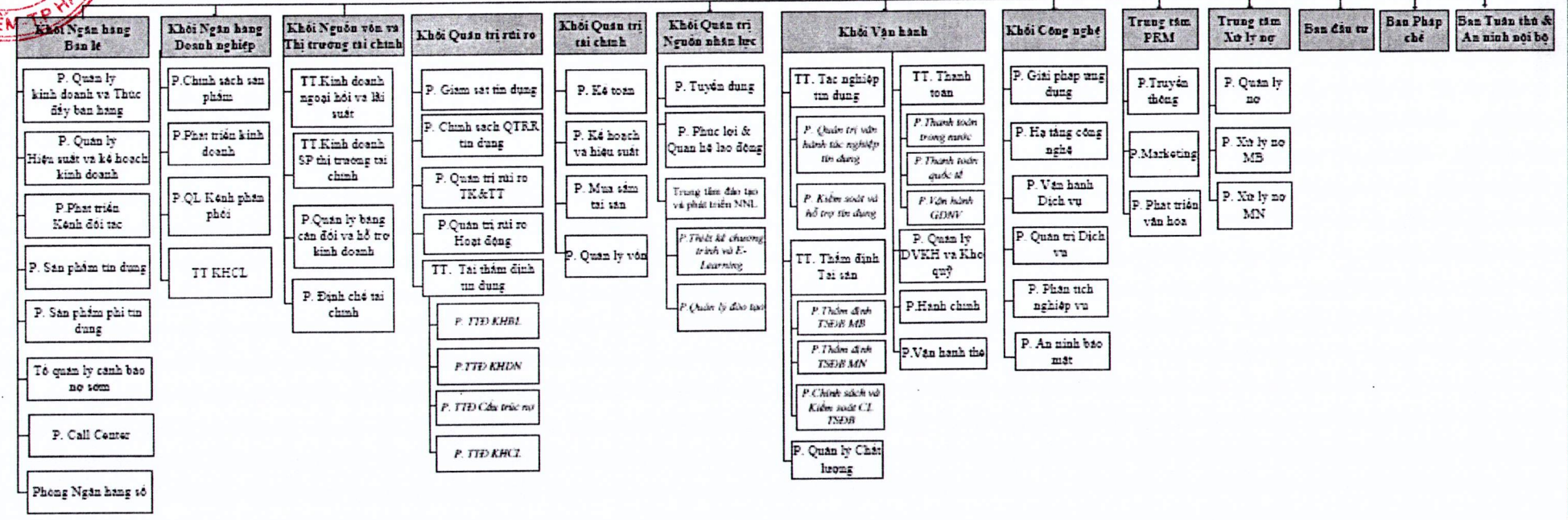
Ban Kiểm soát

Văn phòng HĐQT

Ban Điều hành

Ban Kiểm toán nội bộ

VP ĐQH



Chi Nhánh

Phòng giao dịch

Công ty AMC

AC
Go



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN
QUỐC DÂN**



MỤC LỤC

---oOo---

	Trang
1- BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01-03
2- BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04-05
3- BẢNG CẢN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT	06-09
4- BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	10
5- BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	11-13
6- THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	14-51

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân (dưới đây gọi tắt là Ngân hàng) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Ngân hàng năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

1. Thông tin chung về Ngân hàng

Thành lập:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân được đổi tên từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Việt vào ngày 06 tháng 05 năm 2014. Trước đây Ngân hàng có tên gọi là Ngân hàng TMCPNT Sông Kiên, là Ngân hàng Cổ phần được thành lập theo giấy phép số 00057/NH-GP ngày 18 tháng 9 năm 1995 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và giấy phép thành lập số 1217/GP-UB ngày 17 tháng 10 năm 1995 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp. Ngân hàng hoạt động kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700169765 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (đăng ký lần đầu theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 050046 ngày 02 tháng 11 năm 1995 của Ủy ban kế hoạch tỉnh Kiên Giang), giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 ngày 14 tháng 12 năm 2016.

Ngân hàng nắm quyền kiểm soát toàn bộ Công ty con là Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Quốc Dân, được thành lập theo Quyết định số 2406/QĐ-NHNN ngày 19/12/2006 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304767745 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh (đăng ký lần đầu ngày 28/12/2006, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 31/12/2014) với mức vốn điều lệ là 50.000.000.000 đồng, hoạt động chủ yếu là tiếp nhận, quản lý các khoản nợ tồn đọng của ngân hàng TMCP Quốc Dân và tài sản đảm bảo nợ vay liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi vốn nhanh nhất.

Thời gian hoạt động của ngân hàng là 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tiên.

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ của Ngân hàng là: 3.010.215.520.000 đồng.

Hoạt động chính của Ngân Hàng:

- Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của mọi tổ chức thuộc các thành phần kinh tế và dân cư dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn;
- Tiếp nhận vốn ủy thác đầu tư và phát triển của các tổ chức tín dụng trong nước;
- Cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân tùy theo tính chất và khả năng nguồn vốn;
- Chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá;
- Góp vốn liên doanh và mua cổ phần theo pháp luật hiện hành;
- Cung cấp dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng;
- Thực hiện kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc và thanh toán quốc tế, huy động các loại vốn từ nước ngoài và các dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài khi được Ngân hàng Nhà Nước cho phép.

Mã chứng khoán niêm yết: NVB

Trụ sở chính của Ngân hàng: số 28C-D, Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Tp Hà Nội.

Cho đến thời điểm lập báo cáo này, Ngân hàng có 1 Hội sở chính, 24 chi nhánh, 66 phòng giao dịch. Các chi nhánh được mở trên địa bàn miền Bắc, miền Trung và miền Nam. Ngân hàng có 1 Công ty con.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ của Ngân hàng được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất gồm có:

Hội đồng quản trị		Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông NGUYỄN TIẾN DŨNG	Chủ tịch	11/10/2018	
Ông VŨ MẠNH TIỀN	Thành viên	15/11/2018	
Ông LÊ HỒNG PHƯƠNG	Thành viên thường trực	26/04/2018	
Bà NGUYỄN THỊ MAI	Thành viên thường trực	24/04/2015	
Ông VŨ HỒNG NAM	Thành viên	15/11/2018	
Bà TRẦN HẢI ANH	Thành viên	11/10/2018	
Ông TRẦN KIM CHUNG	Thành viên	09/11/2018	
Ông LÊ XUÂN NGHĨA	Thành viên độc lập	24/04/2015	
Ban kiểm soát			
Bà TRẦN THỊ HẢ GIANG	Trưởng ban	26/04/2018	
Bà DƯƠNG THỊ LỆ HẢ	Trưởng ban	24/04/2015	26/04/2018
Bà VŨ KIM PHƯƠNG	Thành viên	24/04/2015	
Ông LÊ TRỌNG HIẾU	Thành viên	24/04/2015	
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng			
Ông LÊ HỒNG PHƯƠNG	Tổng Giám đốc	18/10/2018	
Bà DƯƠNG THỊ LỆ HẢ	Phó Tổng giám đốc thường trực	26/04/2018	
Ông VŨ MẠNH TIỀN	Phó Tổng giám đốc	11/11/2013	26/01/2019
Bà NGUYỄN THỊ MAI	Phó Tổng giám đốc	06/02/2013	26/01/2019
Ông NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	Phó Tổng giám đốc	26/01/2019	
Ông HOÀNG TUẤN TỬ	Phó Tổng giám đốc	01/02/2018	
Ông NGUYỄN HỒNG LONG	Phó Tổng giám đốc	21/08/2018	
Ông PHẠM THẾ HIỆP	Phó Tổng giám đốc	01/02/2018	
Bà ĐỖ THỊ THANH HƯỜNG	Kế toán trưởng	01/08/2016	

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng là ông Nguyễn Tiến Dũng - Chủ tịch HĐQT.

Theo giấy ủy quyền số 66/2017/UQ-TGD ngày 10 tháng 11 năm 2017, ông Nguyễn Tiến Dũng đã ủy quyền cho ông Lê Hồng Phương - Tổng Giám đốc ký báo cáo tài chính cho năm 2018.

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin Học TP. Hồ Chí Minh (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2018. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Ngân hàng sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

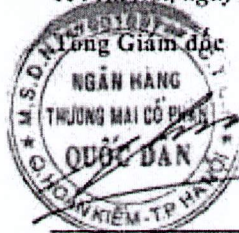
Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các số sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Ngân hàng và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành.

TP. Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2019



Lê Hồng Phương



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing And Informatic Services Company Limited

Head Office: 389 A Dien Bien Phu Str., Ward 4, Dist.3, Ho Chi Minh City
Tel: (84.28) 3832 9129 (10 Lines) **Fax:** (84.28) 3834 2957
Email: info@aisc.com.vn **Website:** www.aisc.com.vn

Số: A0618217-HN/AISC-DNI

Kính gửi:

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Quốc Dân ("Ngân hàng"), được lập ngày 22 tháng 03 năm 2019, từ trang 06 đến trang 51, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Ngân hàng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Kết luận của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Quốc Dân tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán của Ngân hàng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Branch in Ho Nai: 6 Floor, 56 Hoa Binh 4 Street, Minh Khai Ward, Hai Ba Trung Dist., Ho Nai City

Branch in Da Nang: 350 Hai Phong St., Thanh Khe Dist., Da Nang City

Representative in Can Tho: 99019 - A.200 Nguyen Hien St, Ninh Kieu Dist., Can Tho City

Representative in Hai Phong: 18 Hoang Van Thu St., Hong Bang Dist., Hai Phong

Tel: (84.24) 3782 0045

Fax: (84.236) 3747 619

Tel: (84.28) 3832 9129

Tel: (84.24) 3782 0048

Fax: (84.24) 3782 0048

Fax: (84.236) 3747 600

Fax: (84.28) 3834 2957

Fax: (84.24) 3782 0048

Email: hanoi@aisc.com.vn

Email: danang@aisc.com.vn

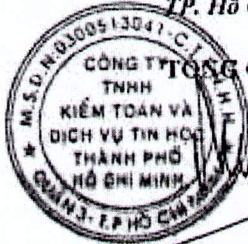
Email: cantho@aisc.com.vn

Email: haiphong@aisc.com.vn

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh mục IV.7 về chính sách kế toán đối với cho vay khách hàng, hoạt động mua bán nợ và mục IV.8.2 về chính sách kế toán bán nợ cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của Tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC"), công ty mua bán nợ và các tổ chức khác; mục IV.9.2 về dự phòng các khoản đầu tư dài hạn của bản thuyết minh báo cáo tài chính; mục V.16 về vốn chủ sở hữu - khoản lợi nhuận chưa phân phối của bản thuyết minh báo cáo tài chính. Theo đó, việc phân loại nợ vay; trích lập dự phòng cụ thể, dự phòng đầu tư của các khách hàng cũ; và các khoản khác trước giai đoạn tái cấu trúc sẽ được xử lý dần theo năng lực tài chính của Ngân hàng. Các chính sách này nằm trong đề án tái cấu trúc Ngân hàng đang được trình với các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Việc ghi nhận các khoản chênh lệch giữa giá bán nợ với giá gốc, thoái lui dự thu của các khoản nợ đã bán sẽ được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh theo Nghị Quyết số 42/2017/QH14 có hiệu lực từ ngày 15 tháng 08 năm 2017 về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2019



TRƯỞNG GIÁM ĐỐC

PHẠM VĂN VINH

GCNDKHNSố : 0112-2018-005-01

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

KIỂM TOÁN VIÊN

DẬU NGUYỄN LÝ HẰNG

GCNDKHNSố : 2172-2018-005-01

Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN			
I. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	V.01	291.598	285.896
II. Tiền gửi tại ngân hàng nhà nước	V.02	1.587.706	2.336.309
III. Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	V.03	6.683.833	9.445.182
1. Tiền gửi tại các TCTD khác		6.651.833	8.721.932
2. Cho vay các TCTD khác		32.000	723.250
3. Dự phòng rủi ro		-	-
IV. Chứng khoán kinh doanh		-	342.618
1. Chứng khoán kinh doanh		-	342.618
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	-
V. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		53.079	-
VI. Cho vay khách hàng		35.281.529	31.751.339
1. Cho vay khách hàng	V.04.1	35.674.111	32.110.586
2. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	V.04.2	(392.582)	(359.247)
VII. Hoạt động mua nợ	V.05	9.947	-
1. Mua nợ		10.022	-
2. Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		(75)	-
VIII. Chứng khoán đầu tư	V.06	16.132.945	15.470.182
1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		8.864.536	7.461.419
2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		7.353.896	8.101.727
3. Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(85.487)	(92.964)
IX. Góp vốn, đầu tư dài hạn	V.07	706.682	709.682
1. Đầu tư vào công ty con		-	-
2. Vốn góp liên doanh		-	-
3. Đầu tư vào công ty liên kết		-	-
4. Đầu tư dài hạn khác		719.600	719.600
5. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		(12.918)	(9.918)

Các thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo này.

Trang 6

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
IX. Tài sản cố định		614.912	1.375.382
1. Tài sản cố định hữu hình	V.08	163.853	267.773
a. Nguyên giá tài sản cố định		295.518	388.816
b. Hao mòn tài sản cố định		(131.665)	(121.043)
2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
a. Nguyên giá tài sản cố định		-	-
b. Hao mòn tài sản cố định		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	V.09	451.059	1.107.609
a. Nguyên giá tài sản cố định		493.679	1.136.245
b. Hao mòn tài sản cố định		(42.620)	(28.636)
X. Bất động sản đầu tư		-	-
XI. Tài sản có khác	V.10	11.059.939	10.124.975
1. Các khoản phải thu	V.10.1, 2	4.451.976	4.400.632
2. Các khoản lãi, phí phải thu		2.663.644	2.729.401
3. Tài sản thuê TNDN hoãn lại		-	-
4. Tài sản Có khác	V.10.3	3.980.178	3.030.801
- Trong đó: Lợi thế thương mại		-	-
5. Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	V.10.4	(35.859)	(35.859)
TỔNG TÀI SẢN CÓ		72.422.170	71.841.565

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
B. NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I. Các khoản nợ chính phủ và Ngân hàng Nhà nước		1.244.200	-
II. Tiền gửi và vay các TCTD khác	V.11	9.757.537	15.724.536
1. Tiền gửi của các TCTD khác		8.456.393	10.878.607
2. Vay các TCTD khác		1.301.144	4.845.929
III. Tiền gửi của khách hàng	V.12	47.148.818	45.719.622
IV. Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	38.895
V. Vốn tài trợ, Ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	V.13	170.063	218.455
VI. Phát hành giấy tờ có giá	V.14	9.184.275	5.399.353
VII. Các khoản nợ khác	V.15	1.684.511	1.522.563
1. Các khoản lãi, phí phải trả		1.348.100	1.183.923
2. Thuế TNDN hoãn lại phải trả		-	-
3. Các khoản phải trả và công nợ khác		336.411	338.640
4. Dự phòng rủi ro khác (DP cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng)		-	-
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		69.189.404	68.623.424

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

CHI TIÊU	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
VIII. Vốn và các quỹ	V.16	3.232.766	3.218.141
1. Vốn của TCTD		2.980.572	2.980.572
<i>a. Vốn điều lệ</i>		3.010.216	3.010.216
<i>b. Vốn đầu tư NĐXB</i>		-	-
<i>c. Thặng dư vốn cổ phần</i>		-	-
<i>d. Có phiếu quỹ</i>		(29.644)	(29.644)
2. Quỹ của TCTD		157.516	157.516
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
5. Lợi nhuận chưa phân phối		94.678	80.053
<i>Lợi nhuận lỗ năm nay</i>		36.240	21.955
<i>Lợi nhuận lỗ năm trước</i>		58.438	58.098
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		72.422.170	71.841.565

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

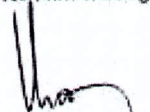
CHI TIÊU	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
1. Bảo lãnh vay vốn	V.30	-	1.640
2. Cam kết giao dịch hối đoái		13.122.710	7.871.175
2.1 Cam kết mua ngoại tệ		-	-
2.2 Cam kết bán ngoại tệ		-	-
2.3 Cam kết giao dịch hoàn đổi		13.122.710	7.871.175
2.4 Cam kết giao dịch tương lai		-	-
3. Cam kết cho vay không huy ngang		-	-
4. Cam kết trong nghiệp vụ L/C		124.445	160.495
5. Bảo lãnh khác		2.644.624	3.403.495
6. Các cam kết khác		185.000	211.000

Người lập bảng

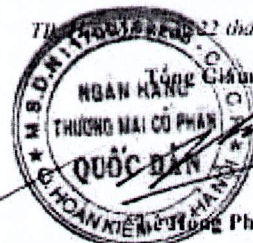


Hà Thị Hiếu

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thanh Hương



Thị trấn Thủ Đức, ngày 22 tháng 03 năm 2019

Tổng Giám đốc
Phạm Phương

Các thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo này

Trang 9

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	VI.17	4.738.865	4.437.486
2. Chi phí lãi và các chi phí tương tự	VI.18	3.757.692	3.319.980
I. Thu nhập lãi thuần		981.173	1.117.506
3. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		65.347	56.175
4. Chi phí hoạt động dịch vụ		39.926	37.993
II. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	VI.19	25.421	18.182
III. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	VI.20	(21.786)	-26.857
IV. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh		-	-
V. Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	VI.21	(22.034)	110.022
5. Thu nhập từ hoạt động khác		1.064.822	146.938
6. Chi phí hoạt động khác		803.579	140.585
VI. Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác	VI.22	261.243	6.353
VII. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần		-	-
VIII. Chi phí hoạt động	VI.23	999.842	959.550
IX. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		224.175	265.656
X.1 Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		63.963	62.009
X.2 Các khoản xử lý theo đề án tái cấu trúc NH		72.382	172.903
XI. Tổng lợi nhuận trước thuế		87.830	30.744
7. Chi phí thuế TNDN hiện hành		51.590	8.789
8. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
XII. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp	VI.24	51.590	8.789
XIII. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		36.240	21.955
XIV. Lợi ích của cổ đông thiểu số		-	-
XV. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	VI.16.2	122	74

TP. Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2019

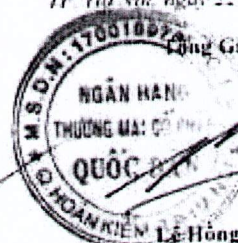
Người lập bảng

Hà Thị Hiếu

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thanh Hương

Chung Giám đốc



Lê Hồng Phương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		4.327.690	3.944.654
02. Chi phí lãi và các khoản thu nhập tương tự đã trả		(3.593.515)	(2.998.890)
03. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		25.421	18.181
04. Chênh lệch số tiền thực thu/ thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		(43.820)	83.165
05. Thu nhập khác		49.629	100.812
06. Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý hoá, bù đắp bằng nguồn rủi ro		12.630	14.017
07. Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(1.013.119)	(949.955)
08. Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ		(38)	(367)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động</i>		(235.122)	211.617
<i>Những thay đổi về tài sản hoạt động</i>			
09. (Tăng)/Giảm các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác		691.266	1.626.993
10. (Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		(312.668)	3.220.057
11. (Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		(53.079)	33.755
12. (Tăng)/Giảm các khoản cho vay khách hàng		(3.573.547)	(6.758.369)
13. Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản		(79.293)	(5.108)
14. (Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động		(656.970)	(428.890)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
<i>Những thay đổi về công nợ hoạt động</i>			
15. Tăng/(Giảm) các khoản nợ chính phủ và NHNN		1.244.200	(1.209.304)
16. Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi và vay các TCTD		(5.966.999)	(4.972.477)
17. Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)		1.429.180	3.927.997
18. Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ GTCG được tính vào hoạt động tài chính)		3.784.922	4.480.666
19. Tăng/(Giảm) vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		(48.392)	33.016
20. Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		(38.895)	38.895
21. Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động		11.126	122.198
22. Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng		-	-
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(3.804.271)	321.046
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01. Mua sắm TSCĐ		(14.614)	(225.334)
02. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		1.005.885	25.654
03. Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	(4.142)
04. Mua sắm bất động sản đầu tư		-	-
05. Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
06. Tiền chi ra do bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
07. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	-
08. Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		-	150.000
09. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		-	-
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		991.271	(53.822)

Các thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của báo cáo này.

Trang 12

N T / T Y + N N I
 PH IN
 10/1



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Triệu đồng Việt Nam

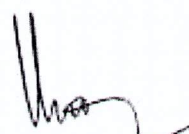
CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
01. Tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		-	-
02. Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
03. Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	-
04. Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia		-	-
05. Tiền chi ra mua cổ phiếu quỹ		-	-
06. Tiền thu được do bán cổ phiếu quỹ		-	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		-	-
IV. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(2.813.000)	267.224
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		11.344.137	11.076.913
VI. Điều chỉnh của ảnh hưởng thay đổi tỷ giá		-	-
VII. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	VII.25	8.531.137	11.344.137

TP. Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2019

Người lập bảng

Kế toán trưởng


Hà Thị Hiếu


Đỗ Thị Thanh Hương

